

Mục Lục

Chương 2.	3
Câu 1. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (3đ). Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay cần phải làm gì để phát huy vai trò là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hoá cao? (2đ)	3
Câu 2. Phân tích điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN. Sinh viên VN hiện nay cần chuẩn bị những gì để trở thành giai cấp công nhân hiện đại, chất lượng cao?	4
Câu 3. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của gccn trên thế giới hiện nay. GCCN VN cần làm gì để phát huy sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn hiện nay?	5
Câu 4. Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0?	6
Câu 5. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Hiện nay, VN đã đạt được những thành tựu nào về kinh tế, chính trị, văn hóa trong suốt quá trình xây dựng đất nước? ("Thành tựu của VN sau 35 năm đổi mới")	7
Câu 6: So sánh giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân hiện nay	9
Chương 3.	10
Câu 1. Phân tích đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chứng minh những thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay?	10
Câu 2. Phân tích tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?	12
Câu 3. Phân tích điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa có phù hợp với điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội không? Vì sao?	12
Câu 4. Phân tích đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chứng minh đặc trưng "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới" bằng những thành tựu đối ngoại ở VN.	14
Câu 5. Phân tích những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	15
Câu 6: Phân tích nội dung quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.	16
Chương 4	17
Câu 1. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Những hành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?	17
Câu 2. Phân tích sự ra đời, bản chất, (chức năng) của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sv cần phải làm gì để góp phần xây dựng thành công nhà nước XHCN VN trong thời đại hiện nay?	18
Câu 3. Anh (chị) hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Theo anh (chị) hiểu rõ và thực hiện đúng quy định của pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực hiện quyền dân chủ của bản thân?	19
Câu 4. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vai trò của bản thân sinh viên trong việc phát huy dân chủ XHCN ở VN	20
Câu 5. Phân tích đặc điểm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Sinh viên cần phải làm gì để góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở VN?	22
Chương 5	23
Câu 1. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên có thể làm gì để củng cố cơ cấu xã hội - giai cấp ở VN?	23
Câu 2. Phân tích nội dung của liên minh, giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay?	25
Câu 3. Phân tích khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội?	26
Câu 4. Anh (chị) hãy phân tích sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong việc góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?	27
Câu 5. Phân tích phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước những thông tin xuyên tạc nhằm phá vỡ liên minh giai cấp, tầng lớp, sinh viên VN cần phải làm gì để chống lại các thế lực thù địch và không ngừng củng cố khối liên minh.	28

Câu 6. Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	31
Chương 6.	31
Câu 1. Anh (chị) hãy phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc. Liên hệ sự biểu hiện của hai xu hướng trên trong phạm vi nước Việt Nam hiện nay.	31
Câu 2. Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã làm gì để thực hiện bình đẳng dân tộc ở VN.	33
Câu 3. Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam.	34
Câu 4. Phân tích (quan điểm), chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình thực hiện củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. (Cần phải làm gì và không nên làm gì?)	36
Câu 5. Trình bày bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay?	37
Câu 6. Phân tích nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo của chủ nghĩa Marx - Lenin trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Hiện nay, sinh viên cần phải làm gì để phân biệt được hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo nhằm tránh sự lợi dụng của các thế lực thù địch? (giống câu e và câu g).....	39
Câu 7. Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay. Sinh viên cần phải làm gì để đấu tranh chống lại các hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo vì mục đích chính trị?	40
Câu 8. Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam? Những đóng góp nổi bật của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại địa phương đang sinh sống hiện nay.	42
Chương 7	43
Câu 1. Phân tích vị trí của gia đình trong xã hội. Cần làm gì để xây dựng gia đình VN tiến bộ, hạnh phúc?	43
Câu 2. Phân tích chức năng cơ bản của gia đình. Để xây dựng gia đình tiến bộ, sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?	44
Câu 3. Phân tích cơ sở xây dựng gia đình. Những phong tục lỗi thời, lạc hậu có ảnh hưởng như thế nào đến việc hôn nhân tiến bộ ở VN hiện nay. (Tảo hôn, bắt vợ, hôn nhân cận huyết).....	45
Câu 4. Phân tích sự biến đổi về chức năng và quan hệ của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vai trò của giáo dục gia đình trong xã hội VN hiện nay.....	47
Câu 5. Phân tích sự biến đổi về quy mô của gia đình VN hiện nay (Nhớ nêu thuận lợi và khó khăn trong việc biến đổi quy mô gia đình). Đề xuất các biện pháp để khắc phục sự biến đổi của gia đình Việt Nam do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường hiện nay gây ra?	49

Chương 2.

Câu 1. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (3đ). Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay cần phải làm gì để phát huy vai trò là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hoá cao? (2đ)

Đáp án

Khái niệm GCCN - Phần mở đầu (0.5)

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN (Kinh tế, chính trị, văn hóa - tư tưởng) - ND chính (2.5)

*** Nội dung kinh tế:**

- Là chủ thể của quá trình sản xuất hiện đại, tạo tiền đề vật chất cho xã hội mới ra đời
- + Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo ra tiền đề vật chất – kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.
- Đại biểu cho lợi ích của toàn xã hội
- + Tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội.
- Đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất
- + Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lại ra đời từ phương thức phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.
- Là lực lượng đi đầu trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- + Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện “một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*** Nội dung chính trị - xã hội:**

- Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.
- Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

*** Nội dung văn hóa, tư tưởng:**

- Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.

- Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiên bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác – Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

***GCCN hiện nay cần phải :**

- Nâng cao khả năng ngoại ngữ :Với bối cảnh nền kinh tế mở cửa, hội nhập như hiện tại, ngày càng nhiều các công ty nước ngoài đầu tư sang thị trường nước ta, đem tới cực kì nhiều thời cơ việc giúp cho các lao động trẻ
- Không ngừng trao dồi tri thức mới ,phát triển chuyên môn , cải thiện tác phong và văn hóa làm việc: Con người có trí thức, nhận thức tốt sẽ có khả năng làm chủ cuộc sống, làm chủ bản thân và không ngừng học hỏi để đóng góp cho xã hội.
- Tính tổ chức và kỷ luật ,tự giác và đoàn kết:Nhờ có tính kỷ luật mà một tập thể một cộng đồng có thể đi tới thành công. Với một cộng đồng thì việc thi hành kỷ luật chính là việc hướng mọi người đến đích đến của mặt tích cực.
- Tôn trọng tri thức, dốc hết khả năng thu nhận tri thức.
- Hiểu về sản xuất và quá trình sản xuất.

Câu 2 .Phân tích điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN . Sinh viên VN hiện nay cần chuẩn bị những gì để trở thành giai cấp công nhân hiện đại ,chất lượng cao ?

Đáp án

Khái niệm GCCN

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Điều kiện khách quan, chủ quan quy định thực hiện sứ mệnh lịch sử (2,5)

** Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

- Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân
- + Giai cấp công nhân là con đẻ, sản phẩm của nền đại công nghiệp, có tính chất xã hội hóa ngày càng cao, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại.
- + Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình.
- + Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.
- Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định
- + Giai cấp công nhân là giai cấp sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu của xã hội, nhưng trong chủ nghĩa tư bản giai cấp công nhân không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động để kiếm sống, bị bóc lột nặng nề, vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất với lợi ích cơ bản của đa số nhân dân lao động.
- + Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội. Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ chính những điều

kiện khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của nó trong nền sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó.

+ Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử - đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng.

** Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử*

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.

+ Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

+ Chất lượng của giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng.

- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

- Sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

*** Sinh viên hiện nay cần phải chuẩn bị để trở thành gccn hiện đại , chất lượng cao :**

-Nâng cao khả năng ngoại ngữ :Với bối cảnh nền kinh tế mở cửa, hội nhập như hiện tại, ngày càng nhiều các công ty nước ngoài đầu tư sang thị trường nước ta, đem tới cực kỳ nhiều thời cơ việc giúp cho các lao động trẻ

-Không ngừng trao dồi tri thức mới ,phát triển chuyên môn , cải thiện tác phong và văn hóa làm việc: Con người có trí thức, nhận thức tốt sẽ có khả năng làm chủ cuộc sống, làm chủ bản thân và không ngừng học hỏi để đóng góp cho xã hội.

-Tính tổ chức và kỷ luật ,tự giác và đoàn kết:Nhờ có tính kỷ luật mà một tập thể một cộng đồng có thể đi tới thành công. Với một cộng đồng thì việc thi hành kỷ luật chính là việc hướng mọi người đến đích đến của mặt tích cực.

- Có thái độ tôn trọng những cách suy nghĩ, nhìn nhận khác nhau mọi mặt: có cái nhìn đa chiều , không phiến diện.

-Tự học tập và rèn luyện bản thân :Quá trình tự học của sinh viên là yếu tố trực tiếp quyết định chất lượng giáo dục, là điều kiện cần thiết để giúp phát triển nhận thức, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận thông tin mọi lúc, mọi nơi.

Câu 3. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của gccn trên thế giới hiện nay. GCCN VN cần làm gì để phát huy sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn hiện nay ?

Đáp án

Khái niệm GCCN

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Sứ mệnh ls GCCN trên tg hiện nay (Kinh tế, chính trị, văn hóa - tư tưởng)

** Nội dung kinh tế*

- GCCN là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, từ đó tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

- SMLS của GCCN đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ, là lực lượng tất yếu trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại.

- Mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công với giai cấp tư sản ngày càng sâu ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu.

- Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những bất công và bình đẳng xã hội lại thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng.

** Nội dung chính trị - xã hội*

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa:

+ Mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chống bất công và bình đẳng xã hội

+ Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động

- Ở các nước xã hội chủ nghĩa:

+ Đảng Cộng sản đã trở thành đảng cầm quyền, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

+ Xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững

** Nội dung văn hóa – tư tưởng*

- Cuộc đấu tranh ý thức hệ, đó là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản

- Các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của sự phát triển xã hội

- Các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do vẫn là những giá trị được nhân loại thừa nhận và phấn đấu thực hiện

- Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc

***GCCN VN cần làm để phát huy sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn hiện nay :**

-Phát huy vai trò đi đầu trong tiến trình CNH - HĐH, phát huy vai trò lãnh đạo cách mạng của mình, liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp tri thức cùng với các giai tầng khác trong xã hội.

-Nâng cao khả năng ngoại ngữ :Với bối cảnh nền kinh tế mở cửa, hội nhập như hiện tại, ngày càng nhiều các công ty nước ngoài đầu tư sang thị trường nước ta, đem tới cực kỳ nhiều thời cơ việc giúp cho các lao động trẻ

-Không ngừng trao dồi tri thức mới, phát triển chuyên môn , cải thiện tác phong và văn hóa làm việc: Con người có trí thức, nhận thức tốt sẽ có khả năng làm chủ cuộc sống, làm chủ bản thân và không ngừng học hỏi để đóng góp cho xã hội.

-Tính tổ chức và kỷ luật ,tự giác và đoàn kết:Nhờ có tính kỷ luật mà một tập thể một cộng đồng có thể đi tới thành công. Với một cộng đồng thì việc thi hành kỷ luật chính là việc hướng mọi người đến đích đến của mặt tích cực.

-Hiểu về sản xuất và quá trình sản xuất.

-Sẵn sàng tiếp thu những kinh nghiệm mới mẻ, những tư tưởng mới và những phương thức hành vi mới.

Câu 4.Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0?

Đáp án

Khái niệm GCCN VN

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Đặc điểm của GCCN VN

- Ra đời trước giai cấp tư sản, vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì nó sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.
- Giai cấp công nhân đã tự thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản
- Giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân, đế quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, tức là giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mình, nhất là từ khi Đảng ra đời
- Giai cấp công nhân Việt Nam có tinh thần cách mạng triệt để và là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản
- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kỳ đấu tranh cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay
- Giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ tự nhiên, chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động trong xã hội, đặc điểm này tạo ra thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh giai cấp với giai cấp nông dân, với đội ngũ tri thức làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Những biến đổi của GCCN VN hiện nay

* Ngày nay, nhất là qua 35 năm đổi mới đất nước, do tác động của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và thế giới. Giai cấp công nhân đã có những biến đổi:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường
- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo
- Công nhân tri thức nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, có học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

***Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm để xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0:**

- Nâng cao trình độ học vấn và trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, chính trị, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất hiện đại.
- Cần trang bị năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin: Thông thạo ngoại ngữ đang dần trở thành một kỹ năng không thể thiếu, là tiêu chuẩn hàng đầu để các công ty lớn tuyển nhân viên cũng như cất nhắc vào những vị trí quản lý. Việc biết ngoại ngữ không những là yêu cầu tất yếu của lao động có kỹ thuật cao nhằm đáp ứng các quy trình công nghệ thường xuyên được đổi mới mà còn là một năng lực cần thiết trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Tính tổ chức và kỷ luật ,tự giác và đoàn kết:Nhờ có tính kỷ luật mà một tập thể một cộng đồng có thể đi tới thành công. Với một cộng đồng thì việc thi hành kỷ luật chính là việc hướng mọi người đến đích đến của mặt tích cực.
- Sẵn sàng tiếp thu những kinh nghiệm mới mẻ, những tư tưởng mới và những phương thức hành vi mới.
- Phát huy vai trò đi đầu trong tiến trình CNH - HĐH, phát huy vai trò lãnh đạo cách mạng của mình, liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp tri thức cùng với các giai tầng khác trong xã hội.

Câu 5. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Hiện nay, VN đã đạt được những thành tựu nào về kinh tế, chính trị, văn hóa trong suốt quá trình xây dựng đất nước? ("Thành tựu của VN sau 35 năm đổi mới")

Đáp án

Khái niệm GCCN VN - Phần mở đầu (0.5)

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN VN (Kinh tế, chính trị, văn hóa - tư tưởng) - ND chính (2.5)

*** Nội dung kinh tế**

- Giai cấp công nhân Việt Nam với số lượng đông đảo, có cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, với chất lượng ngày một nâng cao về kỹ thuật và công nghệ sẽ là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa
- Giai cấp công nhân phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại
- Giai cấp công nhân có điều kiện khách quan thuận lợi để phát triển cả số lượng và chất lượng, làm cho những phẩm chất của giai cấp công nhân hiện đại hình thành và phát triển đầy đủ trong môi trường xã hội hiện đại, với phương thức lao động công nghiệp hiện đại
- Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực kinh tế gắn liền với việc phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, thực hiện khối liên minh công – nông – trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp – nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng phát triển bền vững, hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế

*** Nội dung chính trị - xã hội**

- Nhiệm vụ giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thì nhiệm vụ “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên” và “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”
- Nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức.

*** Nội dung văn hóa – tư tưởng**

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách.
- Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là nền tư tưởng của Đảng, chống lại những quan điểm sai trái, những sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- Giai cấp công nhân Việt Nam phải thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

***Hiện nay, VN đã đạt được những thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa trong suốt quá trình xây dựng đất nước :**

- Phát triển gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội:Trong suốt quá trình 35 năm đổi mới, việc tăng trưởng kinh tế đã cơ bản gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế ngày càng được nâng cao:Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đến nay, đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

-Quy mô nền kinh tế tăng nhanh: Qua 35 năm, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ...

-Giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đạt nhiều thành tựu quan trọng:hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển nhanh, rộng khắp cả nước với cơ sở vật chất ngày càng được quan tâm đầu tư, xây dựng ngày càng khang trang.

Câu 6: So sánh giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân hiện nay

Khái niệm GCCN

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

- Trong phạm vi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là giai cấp có hai đặc trưng cơ bản sau đây:

+ Thứ nhất, về phương thức lao động của giai cấp công nhân.

+ Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong hệ thống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

** So sánh giữa giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân hiện nay*

Điểm tương đồng

- GCCN hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại.

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

- Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

** Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại*

- Xu hướng “trí tuệ hóa tăng nhanh”: Đó là “công nhân trí thức”, “công nhân tri thức”, “công nhân áo trắng”, lao động trình độ cao. Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng tri thức và kỹ năng nghề nghiệp. Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất.

- Xu hướng: “trung lưu hóa” gia tăng: Một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu vào 1 lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Về hình thức họ không còn là: “vô sản” nữa và có thể được “trung lưu hóa” về mức sống. Nhưng thực chất ở các nước tư bản, quá trình sản xuất và phân chia lợi nhuận vẫn bị phụ thuộc và những cổ đông lớn.

** So sánh*

- Giống nhau

Kinh tế:

+ Điều kiện cho LLSX hiện đại

=> tạo tiền đề vật chất cho sự ra đời của xã hội mới.

+ Mâu thuẫn lợi ích với GCTS.

Chính trị: Điều có mục đích xây dựng xã hội mới, xã hội XHCN

Văn hóa – tư tưởng: Vẫn là những giá trị văn hóa mới, vẫn lấy hệ tư tưởng Marx – Lenin làm nền tảng tinh thần cho xã hội.

- Khác nhau

+ Kinh tế: Cuộc đấu tranh GCCN truyền thống gói gọn trong phạm vi quốc gia. Còn cuộc đấu tranh của GCCN hiện đại thì mang phạm vi toàn cầu.

- + Chính trị: Trong thời hiện đại, đã có một số quốc gia hoàn thành bước đầu tiên trong quá trình xây dựng CNXH (Thành lập nhà nước của GCCN).
- + Văn hóa – tư tưởng: Ở một số nước nhiệm vụ của GCCN trở thành đấu tranh bảo vệ những giá trị văn hóa mới (lao động, tự do, bình đẳng,...) và bảo vệ nền tảng tư tưởng Mác – Lênin

Chương 3.

Câu 1. Phân tích đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chứng minh những thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay?

Đáp án

Mở đầu: *Khái niệm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

- Thực chất thời kì quá độ lên CNXH là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa.
- Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên CNXH là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa trên tất cả lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất- kỹ thuật và đời sống tinh thần của CNXH.

Đặc điểm: *Kinh tế, chính trị, văn hóa - tư tưởng và xã hội (Dẫn chứng tới tình hình ở Việt Nam)*

** Trên lĩnh vực kinh tế*

- Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện kinh tế, tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập.
- Đây là thời kỳ không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế, nhất là đối với những nước còn ở trình độ chưa trải qua sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Tương ứng nước Nga, Lênin cho rằng thời kỳ quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế gia trưởng, kinh tế hành hóa nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế nhà nước, kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Liên hệ

Việt Nam hiện nay tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, với sự đa dạng hóa về tính sở hữu, cho nên ở VN hiện nay có nhiều tầng lớp giai cấp khác nhau. Tồn tại 4 thành phần kinh tế: Thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong đó, nền kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, để đảm bảo sự phát triển thì cần nắm vững những ngành, lĩnh vực then chốt thì nền kinh tế VN mới phát triển theo một định hướng XHCN.

** Trên lĩnh vực chính trị*

- Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện chính trị, là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp.
- Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới – giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, với nội dung mới – xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế, và hình thức mới – cơ bản là hòa bình tổ chức xây dựng.

Liên hệ

- Trong điều kiện hiện nay, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, đã giành được chính quyền, Đảng CSVN đã đổi mới toàn diện lãnh thổ Đất Nước, Nhà nước Pháp quyền XHCNVN thực hiện việc quản lí, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, nhà nước giữ vai trò quản lí và phát huy rộng rãi quyền làm chủ của nhân dân.

- Hiện nay, còn tồn tại các giai cấp tầng lớp khác nhau với những lợi ích khác nhau. Cho nên vừa có quan hệ hợp tác vừa có quan hệ đấu tranh.

- Khi có nhà nước, thì giai cấp công nhân sử dụng nhà nước đó để cải tạo tổ chức xây dựng chế độ xhcn trên khắp cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng xã hội, và sử dụng các bộ máy nhà nước đó để chống lại các phần tử phản động và thế lực phản động ở bên ngoài.

** Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa*

- Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản.
- Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa – tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

Liên hệ

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trải qua các kỳ đại hội của Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương lấy chủ nghĩa Mác Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực, là mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
- Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, xây dựng được một nền văn hóa giàu bản sắc dân tộc. Biểu hiện cụ thể ở những giá trị văn hóa bền vững, là tổng hợp các giá trị tinh thần tiêu biểu của dân tộc, như: Tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tính cộng đồng gắn kết giữa cá nhân, gia đình, quê hương, tổ quốc, tinh thần nhân nghĩa,...
- Hiện nay, nước ta có quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội với nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam hiện là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021.

** Trên lĩnh vực xã hội*

- Tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.
- Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.
- Là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

Liên hệ

- Về xã hội, thực hiện sự phân phối theo lao động, thi hành chính sách xã hội vì toàn dân, bình đẳng. Mấu chốt của vấn đề xã hội là đảm bảo công bằng xã hội hướng vào phát triển con người, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội.
- Việt Nam hiện nay chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với sự đa dạng hóa về hình thức sở hữu nên nước ta có nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau... Nhưng thông qua quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thông qua thời kỳ quá độ đi lên CNXH, thì mới từng bước đảm bảo công bằng xã hội, xác lập để giảm thiểu những khoảng cách đó.

*** Những thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay**

- Phát triển gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội: Trong suốt quá trình 35 năm đổi mới, việc tăng trưởng kinh tế đã cơ bản gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế ngày càng được nâng cao: Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đến nay, đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.
- Quy mô nền kinh tế tăng nhanh: Qua 35 năm, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ...
- Giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đạt nhiều thành tựu quan trọng: hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển nhanh, rộng khắp cả nước với cơ sở vật chất ngày càng khang trang.

Câu 2. Phân tích tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Đáp án

- Học thuyết hình thái kinh tế- xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ: lịch sử xã hội đã trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. So với các hình thái kinh tế xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do.

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị.

*** Hai loại quá độ từ CNTB lên CNCS**

- Quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra

- Quá độ gián tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Trên thế giới một thế kỷ qua, kể cả Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác - Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

- Xuất phát từ quan điểm cho rằng: chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần sáng tạo ra không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải tuân theo mà là kết quả của phong trào hiện thực, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cho rằng: Các nước lạc hậu với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng có thể rút ngắn được quá trình phát triển: “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng, các dân tộc lạc hậu có thể rút ngắn khả năng quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và tránh được phần lớn những đau khổ và phần lớn các cuộc đấu tranh mà chúng ta bắt buộc phải trải qua ở Tây Âu”. C.Mác, khi tìm hiểu về nước Nga cũng chỉ rõ: “Nước Nga... có thể không cần trải qua đau khổ của chế độ (chế độ tư bản chủ nghĩa - TG) mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy

- Quán triệt và vận dụng, phát triển sáng tạo những lý của chủ nghĩa Mác- Lênin, trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta có thể khẳng định: Với lợi thế của thời đại, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, các nước lạc hậu, sau khi giành được chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

***Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay**

-Sinh viên luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; trung thành, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội;

- Nêu cao tinh thần yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó, thanh niên, sinh viên luôn có khát vọng, ý chí vươn lên, có tinh thần đoàn kết, chia sẻ, tương thân, tương ái, vì cộng đồng và lợi ích quốc gia nên đã luôn có mặt ở những nơi khó khăn, gian khổ, xung kích hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao.

-Đấu tranh với các âm mưu, hoạt động gây phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Tham gia bảo vệ môi trường và các hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội.

- Tích cực tham gia hoạt động chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân.

- Tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh nơi đang sinh sống.

Câu 3. Phân tích điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa có phù hợp với điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội không? Vì sao?

Đáp án

Quan điểm về CNXH dựa trên 4 cách tiếp cận (CNXH được hiểu với 4 nghĩa)

** Quan điểm về CNXH dựa trên 4 cách tiếp cận*

- 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bóc lột, chống các giai cấp thống trị;
- 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bóc lột công;
- 3) Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
- 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Phân tích điều kiện kinh tế và điều kiện chính trị xã hội ⇒ Vai trò của CNTB đối với sự ra đời của CNXH

** Điều kiện kinh tế*

- Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển mới của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất.
- Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

** Điều kiện chính trị - xã hội*

- Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ nét.
- Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí là sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân, con đẻ của nền đại công nghiệp. Chính sự phát triển về lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân là tiền đề kinh tế - xã hội dẫn tới sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản.
- Sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.
- Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa
- Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trên thực tế được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng nhằm lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

**** Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa phù hợp với điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội . Vì***

Sau cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Việt Nam bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa và đến nay đã có bước phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất ⇒ có nền kt phát triển dù không đi qua thời kỳ TBCN .

-Hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế ngày càng được nâng cao:Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đến nay, đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

-Quy mô nền kinh tế tăng nhanh: Qua 35 năm, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ...

- Có sự giúp đỡ từ các nước tiên bộ.

- Chính quyền được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản VN ra đời từ năm 1930, có kinh nghiệm dày dặn trong quá trình lãnh đạo đất nước.

- Sự tin tưởng của nhân dân vào chế độ XHCN.

Câu 4. Phân tích đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chứng minh đặc trưng “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới” bằng những thành tựu đối ngoại ở VN.

Đáp án

Quan điểm về CNXH dựa trên 4 cách tiếp cận (CNXH được hiểu với 4 nghĩa)

* *Quan điểm về CNXH dựa trên 4 cách tiếp cận*

- 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bóc lột, chống các giai cấp thống trị;
- 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bóc lột công;
- 3) Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
- 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Phân tích 6 đặc trưng.

Có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:

- Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện

+ C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để, trước hết là giải phóng giai cấp, xóa bỏ tình trạng giai cấp này bóc lột, áp bức giai cấp kia và một khi tình trạng người áp bức, bóc lột người bị xóa bỏ thì “tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ”

+ Mục đích thiết lập một xã hội cộng sản chủ nghĩa, một xã hội không chỉ hạn chế ở việc tước đoạt các công xưởng, nhà máy, ruộng đất và tư liệu sản xuất, không chỉ hạn chế ở việc kiểm kê và kiểm soát một cách chặt chẽ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, mà còn đi xa hơn nữa, đi tới việc thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu

+ Giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó có mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội – tạo ra các điều kiện về cơ sở vật chất – kỹ thuật và đời sống tinh thần để thiết lập xã hội cộng sản.

- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

+ Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức, quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động.

+ Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo trình độ cao hơn, tổ chức và kỷ luật lao động nghiêm, nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiến bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ

+ Xã hội vì con người và do con người; nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động

+ Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định: trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động

+ Nhà nước vô sản theo V.I. Lênin phải là một công cụ, một phương tiện; đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động, phản ánh trình độ nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý.

- Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại

+ Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân, thiện, mỹ.

- Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

+ Giải quyết vấn đề dân tộc theo Cương lĩnh của V.I. Lênin, trong chủ nghĩa xã hội, cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết và hợp tác trên cơ sở chính trị - pháp lý, đặc biệt là cơ sở kinh tế - xã hội và văn hóa sẽ từng bước xây dựng, củng cố và phát triển.

+ Để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, điều kiện chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, theo V.I. Lênin cần thiết phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới.

****Những thành tựu trong công tác đối ngoại ở VN***

-Củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước

Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc (30 nước có quan hệ Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện*)

Thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia

Có quan hệ với quốc hội, nghị viện của >140 nước...

-Hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều đột phá

>220 đối tác thương mại

71 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường

Tham gia và có quan hệ tốt đẹp với WTO, WB, IMF, APEC

Tham gia 15 FTA, trong đó có các FTA “thế hệ mới” như: CPTPP, EVFTA, RCEP

-Vị thế quốc tế của đất nước không ngừng được nâng cao

Thành viên của >70 tổ chức, diễn đàn đa phương

2 lần làm Chủ tịch ASEAN (2010, 2020); 2 lần trúng cử Ủy viên không thường trực HĐBA Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009 và 2020-2021), 2 lần là nước chủ nhà APEC (2006, 2017)...

-Bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

Cơ bản xây dựng được đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng

Kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích chính đáng của đất nước trên biển

-Chăm lo cho cộng đồng, phát huy mạnh mẽ nguồn lực của kiều bào

5 năm qua, chúng ta đã triển khai công tác bảo hộ >50.000 công dân

>600 vụ việc/1.000 tàu/10.000 ngư dân 800 chuyến bay đưa >200.000 công dân về nước an toàn trong đại dịch COVID-19

-Công tác ngoại giao y tế/ngoại giao vaccine kịp thời, hiệu quả

Nhận được >151 triệu liều vaccine và nhiều trang thiết bị y tế

Viện trợ vật tư y tế và tài chính cho >50 quốc gia, tổ chức quốc tế.

Câu 5. Phân tích những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đáp án

Tầm quan trọng của xây dựng CNXH ở VN (có thể thay thế bằng 4 cách hiểu về CNXH)

Quan điểm về CNXH dựa trên 4 cách tiếp cận

1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị;

- 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công;
- 3) Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
- 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Quá trình nhận thức về CNXH của Đảng Cộng sản VN (Đại hội IV, Đại hội VII, Đại hội XI) - được thể hiện trong các văn kiện nào

Các đặc trưng bản chất của CNXH ở VN (8 đặc trưng)

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua 35 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng rõ. Đại hội IV (1976) nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng. Đến Đại hội VII, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, không chỉ dừng ở nhận thức định hướng, định tính mà từng bước đạt tới trình độ định hình, định lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với sáu đặc trưng. Đến đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với tám đặc trưng cơ bản, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- Do nhân dân làm chủ
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 6: Phân tích nội dung quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Quá độ là thời kỳ chuyển tiếp từ trạng thái này sang trạng thái khác, nhưng đang ở giai đoạn trung gian. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc toàn bộ lĩnh vực đời sống xã hội, bắt đầu từ khi GCCN và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước cho tới khi tạo ra được những cơ sở của CNXH trên lĩnh vực đời sống xã hội.

- Quá độ trực tiếp: Từ TBCN lên XHCN.
- Quá độ gián tiếp: Từ xã hội tiền TBCN lên CNXH, bỏ qua TBCN.

*** Đặc trưng**

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỉ. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ XHCN và nền độc lập dân tộc
- Cuộc CM khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền SX vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống dân tộc.
- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

=> Là lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của Cách Mạng VN trong thời đại hiện nay.

** Nội dung quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở VN*

- Quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

- Nội dung quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN

Thứ nhất, là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Thứ hai, là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của QHSX và kiến trúc thượng tầng của TBCN.

- Thứ ba, phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới trướng chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

- Thứ tư, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

Chương 4

Câu 1. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Những hành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?

Đáp án

Khái quát quá trình ra đời và phát triển của nền dân chủ XHCN (2 sự kiện: Công xã Paris 1871 và Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917) ⇒ Khái niệm dân chủ XHCN

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Pari năm 1871, tuy nhiên chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập. Sự ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất của dân chủ. Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, trong đó, có sự kế thừa những giá trị của nền dân chủ trước đó, đồng thời bổ sung và làm sâu sắc thêm những giá trị của nền dân chủ mới.

=> Có thể hiểu dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ có trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Bản chất (Chính trị, kinh tế, văn hóa - tư tưởng)

**** Bản chất chính trị:***

- Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân

- Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội. Họ có quyền giới thiệu các đại biểu tham gia vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, tham gia góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng bộ máy và cán bộ, nhân viên nhà nước.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở bản chất giai cấp (giai cấp công nhân và giai cấp tư sản); ở cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên; một đảng hay nhiều đảng; ở bản chất nhà nước (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản).

**** Bản chất kinh tế:***

- Thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học – công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.
- Đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối, phải coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển

- Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó.

** Bản chất tư tưởng – văn hóa – xã hội*

- Tư tưởng: lấy hệ tư tưởng Mác – Lênin – hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới.

- Văn hóa: kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng – văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội...

- Xã hội: kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

*** Những hành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

- Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, thu hút vốn đầu tư nước ngoài: Nguồn lực bên ngoài bao gồm: vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hóa nhân loại. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách ưu đãi thích hợp, sẽ khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

- Người dân được cầm lá phiếu bầu cử cho những đại biểu mình tin tưởng trong các kỳ bầu cử.

- Người dân ngày càng tham gia tích cực hơn vào quá trình quản lý và xây dựng đất nước.

- Chúng ta đã triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều nước

- Đến nay, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt 343 tỉ USD, trong top 40 nền kinh tế lớn của thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN

- GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 3.500 USD; nằm trong top 10 quốc gia tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới và là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới.

Câu 2. Phân tích sự ra đời, bản chất, (chức năng) của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sv cần phải làm gì để góp phần xây dựng thành công nhà nước XHCN VN trong thời đại hiện nay?

- Đáp án

- Điều kiện ra đời của Nhà nước XHCN, khái niệm Nhà nước XHCN.

Xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân lao động muốn thoát khỏi sự áp bức, bất công và chuyên chế, ước mơ xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và những giá trị của con người được tôn trọng, bảo vệ và có điều kiện để phát triển tự do tất cả năng lực của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

➔ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng XHCN sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công CNXH, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội phát triển cao – xã hội XHCN

- Bản chất nhà nước (Kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng)

** Về chính trị:*

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị.

** Về kinh tế:*

- Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, do đó, không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột.

- Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa

** Về văn hóa, xã hội:*

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang bản sắc riêng của dân tộc.

- Chức năng nhà nước XHCN

Tùy theo góc độ tiếp cận, nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành các chức năng khác nhau

- Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước:

+ Chức năng đối nội

+ Chức năng đối ngoại

- Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước

+ Chức năng chính trị

+ Chức năng kinh tế

+ Chức năng văn hóa

+ Chức năng xã hội

- Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước

+ Chức năng giai cấp (trấn áp)

+ Chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng)

***Sinh viên VN cần phải góp phần xây dựng CNXH ở VN hiện nay**

-Sinh viên luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; trung thành, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội;

- Nêu cao tinh thần yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó, thanh niên, sinh viên luôn có khát vọng, ý chí vươn lên, có tinh thần đoàn kết, chia sẻ, tương thân, tương ái, vì cộng đồng và lợi ích quốc gia nên đã luôn có mặt ở những nơi khó khăn, gian khổ, xung kích hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao.

-Đấu tranh với các âm mưu, hoạt động gây phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Tham gia bảo vệ môi trường và các hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội.

- Tích cực tham gia hoạt động chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân.

- Tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh nơi đang sinh sống.

Câu 3. Anh (chị) hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Theo anh (chị) hiểu rõ và thực hiện đúng quy định của pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực hiện quyền dân chủ của bản thân?

Đáp án

Khái niệm dân chủ XHCN

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ có trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Khái niệm Nhà nước XHCN

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ

a) Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Chỉ trong xã hội dân chủ XHCN, người dân mới có đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, đồng thời khai thác và phát huy sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước.

- Nền dân chủ XHCN sẽ kiểm soát hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn sự tha hóa của quyền lực nhà nước, đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người thực hiện công cụ không đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, lợi ích của nhân dân nhằm tránh thành quyền lực và phục vụ lợi ích của một nhóm người.

b) Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

- Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân

- Trong hệ thống chính trị XHCN, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh, là thiết chế tổ chức có hiệu quả xây dựng xã hội mới, là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo Đảng trong quá trình xây dựng CNXH được thực hiện.

- Nhà nước XHCN nằm trong nền dân chủ XHCN là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ

***Theo em hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong thực hiện quyền dân chủ của bản thân.**

-Hiểu được quyền và nghĩa vụ của bản thân :được học tập và bình đẳng về cơ hội học tập ,tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ,hoạt động văn hóa ,vui chơi lành mạnh .

-Biết được giới hạn quyền lực của bản thân ở đâu .

-Giúp tỉnh táo trước những âm mưu kích động nhân dân chống phá đất nước dưới con bài dân chủ

-Nhận thức được và lên án những hành vi vi phạm dân chủ và xuyên tạc dân chủ.

Câu 4. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vai trò của bản thân sinh viên trong việc phát huy dân chủ XHCN ở VN

Đáp án

Sự ra đời và phát triển của nền dân chủ XHCN ở VN (1945, 1986)

- Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đến năm 1976, tên nước được đổi thành cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”

- Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là do nhân dân làm chủ. Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”

Quan điểm của HCM về dân chủ

6 Nội dung dân chủ XHCN ở VN. Dân chủ gián tiếp, dân chủ trực tiếp (cho ví dụ dẫn chứng).

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nước ta là nước dân chủ.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân.

Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.
Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.
Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.
Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở dân”.

Kế thừa tư tưởng dân chủ trong lịch sử và trực tiếp là tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, từ khi ra đời cho đến nay, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm... Nội dung này được hiểu là:

- Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).
- Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân).
- Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc).
- Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).
- Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

+ Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra. Những con người và tổ chức ấy đại diện cho nhân dân, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân. Nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở. Dân chủ ngày càng được thể hiện trong tất cả các mối quan hệ xã hội, trở thành quy chế, cách thức làm việc của mọi tổ chức trong xã hội.

***Vai trò của bản thân sinh viên trong việc phát huy dân chủ XHCN ở VN**

- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức ,phong cách HCM :tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm .
- Sinh viên phải tích cực tham gia xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tích cực tham gia phòng, chống ô nhiễm môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.
- sinh viên tự học tập kiến thức, rèn luyện kỹ năng để thích nghi với môi trường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc :kỹ năng giao tiếp ,kỹ năng làm việc nhóm ,hoàn thiện kỹ năng sống giúp cho bản thân có nhiều kinh nghiệm.
- Cần tích cực học tập và tự học tập để nâng cao trình độ văn hóa , chuyên môn , khoa học, kỹ thuật , tay nghề thích ứng với thị trường lao động trong nước và ngoài nước .
- Chủ động tìm hiểu thị trường lao động: lựa chọn nghề, việc làm phù hợp; trau dồi tinh thần trách nhiệm, kỷ luật lao động và đạo đức nghề nghiệp; sáng tạo, cải tiến công nghệ để tăng năng suất lao động.
- Mỗi chúng ta cần rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống văn hóa, ứng xử văn minh; có tinh thần trách nhiệm công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; phòng, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, hành vi trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Tích cực học tập nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng; tiếp cận, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn.
- Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân. Tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia. Chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật; tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Câu 5. Phân tích đặc điểm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Sinh viên cần phải làm gì để góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở VN?

Quan điểm về Nhà nước Pháp quyền

Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề về phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình. Trong hoạt động của nhà nước pháp quyền, các cơ quan của nhà nước được phân quyền rõ ràng và được mọi người chấp nhận trên nguyên tắc bình đẳng của các thể lực, giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, cách tiếp cận và những đặc trưng về nhà nước pháp quyền vẫn có những cách hiểu khác nhau. Song, từ những cách tiếp cận đó, nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

Theo tiến trình của công cuộc đổi mới đất nước, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền ngày càng sáng tỏ. Với chủ trương: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân”. Đảng ta đã xác định: Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Nhận thức đó là tiền đề để Đại hội XII của Đảng làm rõ hơn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Đặc điểm (6 đặc điểm)

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta có một số đặc điểm cơ bản của như sau:

- Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.
- Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của Nhà nước được giám sát bởi nhân dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.
- Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; “nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.
- Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Như vậy, những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam chúng ta đang xây dựng đã thể hiện được các tinh thần cơ bản của một nhà nước pháp quyền nói chung, thể hiện sự khác biệt so với các nhà nước pháp quyền khác Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

*** Sinh viên cần phải góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở VN**

- Gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.
- Tích cực tham gia các hoạt động: xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền, giữ gìn trật tự...
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật.
- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá các thể lực thù địch.

-Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

- Xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh tạo việc làm; tham gia bảo vệ môi trường và các hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội.

-Mỗi chúng ta cần rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống văn hóa, ứng xử văn minh; có tinh thần trách nhiệm công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; phòng, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, hành vi trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Tích cực học tập nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng; tiếp cận, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

Chương 5

Câu 1. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên có thể làm gì để củng cố cơ cấu xã hội - giai cấp ở VN?

- Đáp án

- *Quan điểm về liên minh giai cấp - tầng lớp của Marx - Lenin (tầm quan trọng của liên minh)*

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân.

- Ngày nay, liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là lực lượng cơ bản đóng vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khi sản xuất càng phát triển hiện đại thì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân càng cần gắn bó chặt chẽ với đội ngũ trí thức để tạo thành nền tảng vững chắc của chế độ và là cơ sở chính trị - xã hội bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội và khối liên minh.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng.

- *Nội dung liên minh ở VN (Kinh tế, chính trị, văn hóa - tư tưởng)*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh

*** *Nội dung kinh tế của liên minh***

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kỳ này là: chính trị đã chuyển trọng tâm sang chính trị trong lĩnh vực kinh tế, đấu tranh giai cấp mang những nội dung và hình thức mới.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân...

Nhiệm vụ và cũng là nội dung xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

- + Phát triển kinh tế nhanh và bền vững
- + Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế
- + Đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa
- + Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế
- + Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ
- + Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh

thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí; các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng. Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ, chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

** Nội dung chính trị của liên minh*

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và phản động.

** Nội dung văn hóa – xã hội của liên minh*

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xóa đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức, thực hiện tốt an sinh xã hội

** Là 1 sinh viên cần phải :*

- Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết trong tập thể, trong lớp học: tôn trọng ,giúp đỡ ,chia sẻ ,biết lắng nghe người khác.
- Luôn đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, không kéo bè kéo cánh để làm rối loạn gây mất đoàn kết nội bộ.
- Luôn có ý thức coi trọng tự phê bình và phê bình. Luôn phê phán những biểu hiện xuất phát từ những động cơ cá nhân. Luôn động viên những người thân trong gia đình giữ gìn đạo đức, lối sống, xây dựng gia đình văn hoá.
- Thẳng thắn, trung thực bảo vệ công lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt; Chân thành, khiêm tốn, không chạy theo chủ nghĩa thành tích, không bao che, giấu khuyết điểm .
- Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức thường xuyên: luôn cập nhật thông tin trên mọi thông tin đại chúng để chất lọc, tìm kiếm những tấm gương đạo đức tốt để học hỏi.
- Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết cơ quan đơn vị. Luôn nêu gương trước đảng viên quần chúng. Nêu cao ý thức trách nhiệm công việc.

-Sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hòa nhã thân ái với mọi người, hết lòng vì nhân dân phục vụ. Tự rèn luyện trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của người Đảng viên.

Câu 2. Phân tích nội dung của liên minh, giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay?

Đáp án

Quan điểm về liên minh giai cấp - tầng lớp của Marx - Lenin (tầm quan trọng của liên minh)

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân.

Nội dung liên minh (Kinh tế, chính trị)

- Xét dưới góc độ chính trị

Trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung - đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới. V.I.Lênin chỉ rõ: “...nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó...Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước”.

V.I.Lênin chỉ rõ: “Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v...), hoặc với phần lớn những tầng lớp đó, liên minh nhằm chống lại tư bản, liên minh nhằm lật đổ hoàn toàn tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản và những mưu toan khôi phục của giai cấp ấy, nhằm thiết lập và củng cố vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội”.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp thì không những xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc.

- Xét từ góc độ kinh tế

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - tức là cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, cùng với tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ..., xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ... tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình, bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

Như vậy, liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

***Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay**

- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức ,phong cách HCM :tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm .
- Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch, các hành vi lôi kéo, kích động, xúi giục...
- Tích cực học tập nâng cao trình độ, chú trọng học tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.
- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.
- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.
- Cập nhật tin tức thời sự hằng ngày để giúp nhận diện rõ biểu hiện, những thủ đoạn của các thế lực thù địch để đề phòng và tham gia phản bác, chống lại các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chống phá.
- Tuyệt đối tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cha anh đã không tiếc máu xương giành được.

Câu 3. Phân tích khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội?

Đáp án

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên

Cơ cấu xã hội có nhiều loại, như: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo, v.v...

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội...giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội – giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội – giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ,... Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có vị trí và vai trò xác định xong dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản – đội tiên phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

*** Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội**

Mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Vị trí và vai trò của các loại hình cơ cấu xã hội không ngang nhau, trong đó, cơ cấu xã hội – giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì những lý do cơ bản sau:

- Cơ cấu xã hội – giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Những đặc trưng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi hoạt động xã hội và mọi thành viên trong xã hội, qua đó thấy rõ thực trạng, quy mô, vai trò, sứ mệnh và tương lai của các giai cấp, tầng lớp trong sự biến đổi cơ cấu xã hội và phát triển xã hội.

Mặc dù cơ cấu xã hội – giai cấp giữ vị trí quan trọng, song không vì thế mà tuyệt đối hóa nó, xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác, từ đó có thể dẫn đến tùy tiện, muốn xóa bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp xã hội một cách giản đơn theo ý muốn chủ quan.

*** Trách nhiệm của SV đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội**

- Là 1 SV phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh trật tự của Tổ quốc.

- Trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, Cảnh giác trước âm mưu chia rẽ, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phê phán, đấu tranh với những thái độ, việc làm gây tổn hại đến an ninh quốc gia, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Tích cực học tập để nâng cao hiểu biết về toàn vẹn lãnh thổ và tuyên truyền những điều đúng đắn cho mọi người xung quanh.

- nắm chắc đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, trên cơ sở đó phát huy trách nhiệm cá nhân trong quá trình học tập tại nhà trường và địa phương.

- Phát hiện và mạnh dạn đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Nhằm phát huy được những mặt tích cực, hạn chế những nhược điểm, đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ an ninh trật tự của địa phương, mỗi cá nhân phải học tập, rèn luyện tốt, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của người sinh viên kinh trọng thầy, cô giáo, tôn trọng các cơ quan chính quyền, tích cực tham gia các phong trào của địa phương.

- Tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng-an ninh do nhà trường, xã, phường, địa phương tổ chức.

Câu 4. Anh (chị) hãy phân tích sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong việc góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?

- Đáp án

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội – giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội – giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ,...

** Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Cơ cấu xã hội – giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính quy luật sau đây:

- Một là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong một hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội – giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế...

Trong thời kỳ mới, cơ cấu kinh tế tất yếu có những biến đổi và những thay đổi đó cũng tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội – giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội, nhóm xã hội. Từ đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội cũng thay đổi theo. Mặt khác, nền kinh tế thị trường phát triển mạnh với tính chất cạnh tranh cao, cộng với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng khiến cho các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong thời kỳ này trở nên năng động, có khả năng thích ứng nhanh, chủ động, sáng tạo.

- Hai là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Về mặt kinh tế, đó là còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng, phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội – giai cấp mà biểu hiện của nó là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội...

- Ba là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội, vươn tới những giá trị công bằng, bình đẳng.

*** Trách nhiệm của SV đối với việc góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:**

- Là 1 SV phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi cho bản thân những kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng và vì chính sự phát triển của cá nhân.

- cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh.

- lên án những hành vi sai trái làm suy đồi đạo đức, văn hóa, tuyên truyền những thông tin chính thống, đúng đắn cho mọi người và phải rèn luyện lối sống tốt đẹp, bảo lưu những giá trị tinh thần của dân tộc.

- phải nhận thức, hiểu được tầm quan trọng của những nét đặc sắc văn hóa, bản sắc dân tộc.

- đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác của người dân trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa gắn với quảng bá du lịch. Từ đó khơi dậy lòng tự hào của mỗi dân tộc đối với di sản văn hóa tốt đẹp của cộng đồng.

- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách HCM: tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm.

Câu 5. Phân tích phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước những thông tin xuyên tạc nhằm phá vỡ liên minh giai cấp, tầng lớp, sinh viên VN cần phải làm gì để chống lại các thế lực thù địch và không ngừng củng cố khối liên minh.

Đáp án

Khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Tầm quan trọng của liên minh

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân.

Một số phương hướng cơ bản

- Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn.

Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp.

- Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

+ Đối với giai cấp công nhân, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

+ Đối với giai cấp nông dân, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin...; thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

+ Đối với đội ngũ trí thức, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ.

+ Đối với đội ngũ doanh nhân, tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

+ Đối với phụ nữ, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ phát triển toàn diện, phát triển tài năng, thực hiện tốt vai trò của mình. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình

+ Đối với thế hệ trẻ, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực

- Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học- công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất.

- Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà

Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân... Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ

***Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay**

-Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức ,phong cách HCM :tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm .

-Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch, các hành vi lôi kéo, kích động, xúi giục...

-Tích cực học tập nâng cao trình độ, chú trọng học tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

-Cập nhật tin tức thời sự hằng ngày để giúp nhận diện rõ biểu hiện, những thủ đoạn của các thế lực thù địch để đề phòng và tham gia phản bác, chống lại các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chống phá.

-Tuyệt đối tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cha anh đã không tiếc máu xương giành được.

Câu 6. Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội...giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp vừa đảm bảo tính quy luật phổ biến vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam
- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định

Cơ cấu xã hội – giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

- Giai cấp công nhân Việt Nam có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Giai cấp công nhân sẽ có những biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân cũng ngày càng được nâng lên

- Giai cấp nông dân cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp...

- Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là một lực lượng trong khối liên minh.

- Đội ngũ doanh nhân: phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô với vai trò không ngừng tăng lên. Trong đội ngũ này có doanh nhân có tiềm lực kinh tế lớn, có doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

Chương 6.

Câu 1. Anh (chị) hãy phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc. Liên hệ sự biểu hiện của hai xu hướng trên trong phạm vi nước Việt Nam hiện nay.

KN dân tộc theo nghĩa rộng và hẹp

Phân tích 2 xu hướng khách quan

Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:

- + Theo nghĩa rộng, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ những cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ ,dân tộc Ấn Độ ,dân tộc Trung Hoa,dân tộc Việt Nam,.....

+ Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,...

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Nghiên cứu vấn đề dân tộc, V.I.Lênin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.

- Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.

Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập. Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

- Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú.

- Trong phạm vi một quốc gia: Xu hướng thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc (tộc người) để đi tới sự tự do, bình đẳng và phồn vinh của dân tộc mình. Xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc trong một cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

- Trong phạm vi quốc tế: Xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc và chống chính sách thực dân đô hộ dưới mọi hình thức, phá bỏ mọi áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc. Xu hướng thứ hai thể hiện ở xu thế các dân tộc muốn xích lại gần nhau, hợp tác để hình thành liên minh dân tộc ở phạm vi khu vực hoặc toàn cầu.

Trong mọi trường hợp, hai xu hướng đó luôn có sự tác động qua lại với nhau, mọi sự vi phạm mối quan hệ biện chứng này đều dẫn đến những hậu quả tiêu cực, khó lường.

Hiện nay, hai xu hướng trên diễn ra khá phức tạp trên phạm vi quốc tế và trong từng quốc gia, thậm chí nó bị lợi dụng vào mục đích chính trị nhằm thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”.

***Liên hệ sự biểu hiện của hai xu hướng trên trong phạm vi nước Việt Nam hiện nay.**

Ở Việt Nam hiện nay nổi lên một số quan hệ dân tộc có ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của mỗi tộc người và của đất nước, đó là quan hệ dân tộc về vấn đề lãnh thổ và địa bàn cư trú. Lãnh thổ và địa bàn cư trú là yếu tố quan trọng liên quan đến sự tồn tại và phát triển của các tộc người. Tộc người nào cũng có một nơi ở ban đầu để sinh sống, gọi là cái nôi tộc người, là điều kiện bắt buộc cho sự xuất hiện của tộc người. Lãnh thổ tộc người là một phạm trù lịch sử, có thể mở rộng, suy giảm hoặc ngược lại. Chính vì vậy, quan hệ dân tộc về vấn đề lãnh thổ rất đa dạng, phức tạp là quan hệ giữa các tộc người trong từng khu vực về vấn đề đất đai và địa bàn cư trú, xuất hiện do ba nguyên nhân:

- Do lịch sử để lại (các cuộc tranh giành đất đai giữa các tộc người hay quá trình thiên di của các tộc người trong quá khứ).

- Do yêu cầu phân bố lại địa giới hành chính, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong thời hiện đại (ví dụ như việc nhập tách các đơn vị hành chính, việc đưa người miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, hay đưa thanh niên lên lập các nông lâm trường ở miền Bắc đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX; hoặc đưa dân thành thị đi xây dựng vùng kinh tế mới ở miền Nam cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX).

- Do yêu cầu cuộc sống dẫn đến các cuộc di dân lẻ tẻ, tự phát (chẳng hạn, do thiếu đất đai canh tác, người Kinh ở nhiều tỉnh châu thổ Bắc Bộ, các tỉnh miền Trung, người Mông, Dao, Nùng ở một số tỉnh miền núi vào Tây Nguyên phá rừng trồng cà phê, làm rẫy).

Một trong những đặc điểm nổi bật trong bức tranh tộc người ở Việt Nam là cư trú xen kẽ nhau, ở nhiều vùng (vùng người Thái, Mường, vùng Tây Nguyên) chế độ công hữu rất đậm nét nên mâu thuẫn giữa các tộc người quanh vấn đề lãnh thổ không lớn, chỉ là tranh chấp địa giới, đất canh tác, nguồn nước ở một số địa phương (ví dụ mâu thuẫn giữa các tộc người thiểu số với người Kinh ở miền xuôi được điều lên khai hoang, lập nông lâm trường ở một số địa phương miền núi). Gần đây, nảy sinh một số phức tạp do tình trạng di dân tự do ở vùng Tây Nguyên, làm cho một số đồng bào các tộc người thiểu số ở nhiều địa phương Tây Nguyên thiếu đất canh tác.

Câu 2. Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã làm gì để thực hiện bình đẳng dân tộc ở VN.

KN dân tộc theo nghĩa rộng và hẹp

Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:

+ Theo nghĩa rộng, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ những cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ ,dân tộc Ấn Độ ,dân tộc Trung Hoa,dân tộc Việt Nam,.....

+ Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,...

Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Marx – Lenin

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích hai xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại”.

- Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

- Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của

các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

- Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*** Đảng và Nhà nước Việt Nam đã làm gì để thực hiện bình đẳng dân tộc ở VN.**

-Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc.

-Hoàn thiện các văn bản pháp luật về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, trong đó sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

-Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc trưng văn hóa của từng vùng, miền, đặc điểm của từng dân tộc, từng địa phương.

-Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách dân tộc là công việc quan trọng, cơ bản, thường xuyên, lâu dài, đòi hỏi phải được tiến hành có lộ trình, kiên trì, nhất quán và không ngừng đổi mới, hoàn thiện. Các chính sách dân tộc được xây dựng và ban hành phải là động lực trực tiếp thúc đẩy bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và phát huy vai trò, tiềm năng thật sự của mỗi dân tộc.

Câu 3.Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam.

KN dân tộc theo nghĩa rộng và hẹp

Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:

+ Theo nghĩa rộng, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ những cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ ,dân tộc Ấn Độ ,dân tộc Trung Hoa,dân tộc Việt Nam,.....

+ Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,...

Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

- Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó, dân tộc người Kinh có 73.594.341 người chiếm 85,7% dân số cả nước; 53 dân tộc thiểu số có 12.252.656 người, chiếm 14,3% dân số. Tỷ lệ số dân giữa các dân tộc cũng không đồng đều, có dân tộc với số dân lớn hơn 1 triệu người (Tày, Thái, Mường, Khơ me, Mông...), nhưng có dân tộc với số dân chỉ vài ba trăm (Si la, Pu péo, Rơ măm, Brâu, Ô đù). Thực tế cho thấy nếu một dân tộc mà số dân chỉ có hàng trăm sẽ gặp rất nhiều khó khăn cho việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hoá dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Do vậy, việc phát triển số dân hợp lý cho các dân tộc thiểu số, đặc biệt đối với những dân tộc thiểu số rất ít người đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách quan tâm đặc biệt.

- Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn. Đặc điểm này một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Mặt khác, do có nhiều tộc người sống xen kẽ nên trong quá trình sinh sống cũng dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước.

- Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

Mặc dù chỉ chiếm 14,3% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái – đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực. Ví dụ: dân tộc Thái, dân tộc Mông, dân tộc Khơme, dân tộc Hoa... do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

- Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều

Các dân tộc ở nước ta còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Về phương diện xã hội, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội của các dân tộc thiểu số khác nhau. Về phương diện kinh tế, có thể phân loại các dân tộc thiểu số Việt Nam ở những trình độ phát triển rất khác nhau: Một số ít các dân tộc còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên; tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiên bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất

Đặc trưng này được hình thành do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra độ kết dính cao giữa các dân tộc.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập thống nhất Tổ quốc.

- Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng.

Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem đó là vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn và toàn diện gắn liền với các mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*** Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam.**

Là SV trường ĐHCNTTP HCM cần phải :

-Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức ,phong cách HCM :tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm .

-Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch, các hành vi lôi kéo, kích động, xúi giục...

-Tích cực học tập nâng cao trình độ, chú trọng học tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.

-Về ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức thường xuyên: luôn luôn gương mẫu rèn luyện phẩm chất tư cách, làm tròn nhiệm vụ được Đảng và chính quyền giao phó. Sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hòa nhã thân

ái với mọi người, hết lòng vì nhân dân phục vụ. Tự rèn luyện trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của người Đảng viên.

-Nâng cao tinh thần yêu nước và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

-luôn đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, không kéo bè kéo cánh để làm rối loạn gây mất đoàn kết nội bộ, động viên những người thân trong gia đình giữ gìn đạo đức, lối sống, xây dựng gia đình văn hoá.

Câu 4. Phân tích (quan điểm), chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình thực hiện củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. (Cần phải làm gì và không nên làm gì?)

KN dân tộc theo nghĩa rộng và hẹp

Phân tích chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

+ Theo nghĩa rộng, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ những cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ ,dân tộc Ấn Độ ,dân tộc Trung Hoa,dân tộc Việt Nam,.....

+ Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,...

Vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Có thể khẳng định, chính sách dân tộc của Đảng ta luôn được quán triệt và triển khai thực hiện nhất quán trong suốt hơn 90 năm qua theo nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ trên tinh thần tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**** Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc (có hỏi thì viết vào)***

- Trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách dân tộc là nhất quán, theo nguyên tắc: Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển. Đây vừa là nguyên tắc, vừa là mục tiêu chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta.

- Bình đẳng giữa các dân tộc là một nguyên tắc cơ bản có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của chính sách dân tộc về quyền của các dân tộc thiểu số. Các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp đều ngang nhau về quyền lợi và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội và được bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, trước hết là quyền bình đẳng về chính trị, chống mọi biểu hiện chia rẽ kỳ thị dân tộc, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti dân tộc,... Quyền bình đẳng về kinh tế, đảm bảo sự bình đẳng trong quan hệ lợi ích giữa các dân tộc.

- Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở các nội dung cơ bản sau:

+ Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

+ Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc... Kiên quyết đấu tranh với âm mưu chia rẽ dân tộc...

+ Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng ở địa bàn dân tộc; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc....

+ Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi

+ Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ | hệ thống chính trị

Từ thực tiễn và kinh nghiệm 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng bổ sung và hoàn chỉnh hệ mục tiêu của đổi mới ở nước ta, trong đó khẳng định: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”. Quan điểm: các dân tộc “tôn trọng” lẫn nhau, thể hiện một bước phát triển trong nhận thức của Đảng về vấn đề này. Tôn trọng là sự trân trọng lẫn nhau, tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Đây cũng là giá trị làm rõ hơn nữa quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện trong các Văn kiện trước đó.

** Chính sách dân tộc của đảng, nhà nước Việt Nam:*

- Về chính trị: thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc

- Về kinh tế: triển khai kinh tế xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc.

- Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc.

- Về xã hội: thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an toàn an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc.

- Về an ninh - quốc phòng: tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội.

Như vậy, chính sách dân tộc của đảng và nhà nước ta mang tính chất toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính cách mạng và tiến bộ đồng thời còn mang tính nhân văn sâu sắc, không bỏ sót bất kỳ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc nào; Đồng thời phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước

***Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình thực hiện củng cố khối đại đoàn kết dân tộc**

Là SV trường ĐHCNTTP HCM cần phải :

- Đẩy mạnh việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn của bản thân, tuyên truyền về đường lối chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước. Chống các biểu hiện suy thoái về phẩm chất đạo đức, luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức.

- cần có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức: Cần gương mẫu rèn luyện phẩm chất tư cách, làm tròn những nhiệm vụ được Đảng và chính quyền giao phó. Có lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hòa nhã với mọi người. Luôn tự rèn luyện và trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống.

- Thăng tiến, trung thực bảo vệ công lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt, chân thành, khiêm tốn, không bao che khuyết điểm,...Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết trong tập thể, trong cơ quan đơn vị.

- Cần có ý thức coi trọng việc tự phê bình và phê bình; phê phán những biểu hiện xuất phát từ những động cơ cá nhân; động viên người thân trong gia đình giữ gìn đạo đức lối sống, thực hiện xây dựng gia đình văn hóa.

Câu 5.Trình bày bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay?

Trình bày quan niệm tôn giáo /khái niệm theo chủ nghĩa mác lênin

Trình bày bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo (hỏi phần nào trả lời phần đó)

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

*** Bản chất của tôn giáo:**

- *Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan.* Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí... Ph.Ăngghen cho rằng: "... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"

- *Tôn giáo là một thực thể xã hội – các tôn giáo cụ thể* (ví dụ: Công Giáo, Tin lành, Phật giáo...), với các tiêu chí cơ bản sau: có niềm tin sâu sắc vào đấng siêu nhiên, đấng tối cao, thần linh để tôn thờ; có hệ thống giáo thuyết phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo; có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

- *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra.* Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

- *Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.* Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ.

- *Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.* Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

*** Nguồn gốc của tôn giáo:**

- *Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội:*

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên rộng lớn và bí ẩn, vì vậy, họ đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực to lớn, thần thánh hóa những sức mạnh đó. Từ đó, họ xây dựng nên những biểu tượng tôn giáo để thờ cúng.

Khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng, con người cảm thấy bất lực trước sức mạnh của thế lực giai cấp thống trị. Họ không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức, bóc lột, tội ác, v.v... tất cả họ quy về số phận và định mệnh. Từ đó, họ đã thần thánh hóa một số người thành những thần tượng có khả năng chi phối suy nghĩ và hành động người khác mà sinh ra tôn giáo.

+ *Nguồn gốc nhận thức:*

Ở những giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình còn có giới hạn. Mặt khác, trong tự nhiên và xã hội có nhiều điều khoa học chưa khám phá và giải thích được nên con người lại tìm đến với tôn giáo.

Sự nhận thức của con người có khi xa rời hiện thực, thiếu khách quan dễ rơi vào ảo tưởng, thần thánh hóa đối tượng.

+ *Nguồn gốc tâm lý:*

Do sự sợ hãi, lo âu của con người trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội mà dẫn đến việc sinh ra tôn giáo. Các nhà duy vật cổ đại thường đưa ra luận điểm "sự sợ hãi sinh ra tôn giáo". V.I. Lênin cũng cho rằng, sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản..., sự phá sản "đột ngột" "bất ngờ", "ngẫu nhiên", làm họ bị diệt vong..., dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại. Ngay cả những tâm lý tích cực như lòng biết ơn, sự kính trọng cũng có khi được thể hiện qua tôn giáo.

*** Tính chất của tôn giáo**

- *Tính lịch sử:* tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị phân liệt, chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau.

- Tính quần chúng: tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần ¾ dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Tôn giáo phản ánh khát vọng của người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội tin theo

- Tính chất chính trị: tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp. Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặt khác, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

***Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay**

-Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách HCM: tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm.

-Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch, các hành vi lôi kéo, kích động, xúi giục...

-Tích cực học tập nâng cao trình độ, chú trọng học tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

-Cập nhật tin tức thời sự hằng ngày để giúp nhận diện rõ biểu hiện, những thủ đoạn của các thế lực thù địch để đề phòng và tham gia phản bác, chống lại các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chống phá.

-Tuyệt đối tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cha anh đã không tiếc máu xương giành được.

Câu 6. Phân tích nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo của chủ nghĩa Marx - Lenin trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Hiện nay, sinh viên cần phải làm gì để phân biệt được hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo nhằm tránh sự lợi dụng của các thế lực thù địch? (giống câu e và câu g)

Trình bày quan niệm tôn giáo /khái niệm theo chủ nghĩa mác lenin

Phân tích nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo của chủ nghĩa Marx - Lenin trong thời kỳ quá độ lên CNXH

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

*** Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đáng tối cao, đáng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân. Quyền này nói lên rằng việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào kể cả những chức sắc tôn giáo, tổ chức hội giáo...được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này.

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ hướng vào việc giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xóa bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học... cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.

Khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp –chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Từ đó, hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ và phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin tưởng giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về những lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

* Là SV trường ĐHCNTP HCM cần phải :

-Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức ,phong cách HCM :tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm .

-Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch, các hành vi lôi kéo, kích động, xúi giục...

-Tích cực học tập nâng cao trình độ, chú trọng học tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

-Cập nhật tin tức thời sự hằng ngày để giúp nhận diện rõ biểu hiện, những thủ đoạn của các thế lực thù địch để đề phòng và tham gia phản bác, chống lại các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chống phá.

-Tuyệt đối tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cha anh đã không tiếc máu xương giành được.

Câu 7. Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay. Sinh viên cần phải làm gì để đấu tranh chống lại các hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo vì mục đích chính trị?

Trình bày quan niệm tôn giáo /khái niệm theo chủ nghĩa mác lênin

Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

*** Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay**

+ *Một là:* Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.

Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật

+ *Hai là:* Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc

Không phân biệt đối xử vì lý do Tín ngưỡng, tôn giáo (các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật), đoàn kết đồng bào các tôn giáo khác nhau và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động gây chia rẽ Nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia

+ *Ba là:* Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đảm bảo lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

+ *Bốn là:* Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Nước ta có hàng triệu tín đồ, chức sắc nhà tu hành của các tôn giáo phân bố ở mọi vùng miền, địa phương của cả nước vì vậy công tác tôn giáo liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, MTTQ và các đoàn thể vận động....

+ *Năm là:* Vấn đề theo đạo và truyền đạo

- Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ.

- Việc truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo.

- Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật

*** Là SV trường ĐHCNTTP HCM cần phải :**

-Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức ,phong cách HCM :tham gia xây dựng đời sống văn hóa; tham gia giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển thể lực; sống trung thực trách nhiệm .

-Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch, các hành vi lôi kéo, kích động, xúi giục...

-Tích cực học tập nâng cao trình độ, chú trọng học tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

-Cập nhật tin tức thời sự hằng ngày để giúp nhận diện rõ biểu hiện, những thủ đoạn của các thế lực thù địch để đề phòng và tham gia phản bác, chống lại các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chống phá.

-Tuyệt đối tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cha anh đã không tiếc máu xương giành được.

Câu 8. Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam? Những đóng góp nổi bật của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại địa phương đang sinh sống hiện nay.

Trình bày quan niệm tôn giáo /khái niệm theo chủ nghĩa mác lenin

Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam:

- Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo

Nước ta hiện nay có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo đã được công nhận và cấp đăng ký hoạt động với khoảng 57000 chức sắc, 157000 chức việc và hơn 29000 cơ sở thờ tự. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như Phật giáo, Công Giáo, Tin lành, Hồi giáo; có tôn giáo nội sinh, như Cao Đài, Hòa Hảo.

- Thứ hai: Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo.

- Thứ ba: Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc và có ước vọng sống “tốt đời, đẹp đạo”.

- Thứ tư: Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ. Nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

- Thứ năm: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam

***Những đóng góp nổi bật của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại địa phương đang sinh sống hiện nay**

-tôn giáo có vai trò xây dựng đối với xã hội thông qua các giá trị văn hoá, đạo đức ,đóng góp những giá trị tốt đẹp khác đối với ổn định xã hội, đoàn kết dân tộc và phát triển bền vững.

-Tôn giáo cũng là một kênh quan trọng để thúc đẩy mở rộng đối ngoại nhân dân; tham gia giải quyết các vấn đề có tính chất toàn cầu như: Bảo vệ môi trường, bảo vệ chủ quyền quốc gia, chống chiến tranh, bá quyền, bạo lực, nghèo đói.

-Tôn giáo cũng là một kênh quan trọng để chúng ta tăng cường đoàn kết, tập hợp đồng bào ta đang sinh sống, làm ăn ở nước ngoài. Tôn giáo của người Việt Nam cũng là một kênh quan trọng để giới thiệu, quảng bá hình ảnh, văn hoá tốt đẹp của Việt Nam ra nước ngoài.

-Phòng chống xung đột và kiến tạo hòa bình :hòa giải mâu thuẫn , xung đột ,các tranh chấp .

-Tạo của cải và năng lực sản xuất :Tôn giáo cung cấp các ý tưởng về việc trở nên thịnh vượng cũng như cách thức quản lý tài nguyên đất đai.

Chương 7

Câu 1. Phân tích vị trí của gia đình trong xã hội. Cần làm gì để xây dựng gia đình VN tiên bộ, hạnh phúc?

Trình bày KN gia đình

Phân tích vị trí của gia đình trong xã hội

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

*** Vị trí của gia đình trong xã hội**

- Gia đình là tế bào của xã hội

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”

Trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên

Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.

- Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau mà không cộng đồng nào có được và có thể thay thế.

Gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách v.v... Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về mỗi cá nhân khi xem xét họ trong các quan hệ xã hội và quan hệ với gia đình. Có những vấn đề quản lý xã hội phải thông qua

hoạt động của gia đình để tác động đến cá nhân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Đặc điểm của gia đình ở mỗi chế độ xã hội có khác nhau.

*** Cần làm gì để xây dựng gia đình VN tiến bộ, hạnh phúc**

-Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, vận động nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng và các thành viên gia đình về vị trí, vai trò của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

-Kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình truyền thống trong việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại.

-Xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ gia đình và cộng đồng; tạo điều kiện cho mọi gia đình tiếp cận được kiến thức pháp luật, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật và phúc lợi xã hội...

-mọi thành viên phải được đảm bảo các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần, được hưởng bầu không khí cởi mở, đầy tình thương yêu, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau.tự giác thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trước gia đình, người thân và xã hội.

-Xây dựng gia đình tiến bộ phải gắn liền với kế hoạch hóa gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nâng cao chất lượng của cuộc sống gia đình, đồng thời gia đình biết tạo môi trường văn hóa để cho các mối quan hệ bên trong, bên ngoài ngày càng tốt đẹp hơn.

-Quan tâm đến phát triển kinh tế gia đình, xây dựng và hoàn thiện hệ thống dịch vụ có liên quan để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình chính sách, gia đình các dân tộc thiểu số, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Câu 2.Phân tích chức năng cơ bản của gia đình. Để xây dựng gia đình tiến bộ, sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?

Trình bày KN gia đình

Phân tích chức năng cơ bản của gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

*** Chức năng cơ bản của gia đình**

- Chức năng tái sản xuất ra con người

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, thực hiện chức năng này quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích.

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi thành viên trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định, vừa là chủ thể vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết sức quan trọng,

mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình.

- Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị... Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó.

*** Để xây dựng gia đình tiến bộ, sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội**

Để xây dựng gia đình VN tiến bộ hạnh phúc, sinh viên cần quan tâm, chăm sóc sức khỏe của bản thân và cả gia đình mình. Kêu gọi gia đình và tuyên truyền làm theo kế hoạch hóa gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nâng cao chất lượng của cuộc sống gia đình, đồng thời gia đình biết tạo môi trường văn hóa để cho các mối quan hệ bên trong, bên ngoài ngày càng tốt đẹp hơn. Sự tiến bộ của gia đình phải gắn liền với truyền thống dân tộc “tương thân, tương ái”, chia sẻ ngọt bùi, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mọi thành viên phải được đảm bảo các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần, được hưởng bầu không khí cởi mở, đầy tình thương yêu, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thành viên trong gia đình phải có sự thống nhất quan niệm về cuộc sống gia đình, tự giác thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trước gia đình, người thân và xã hội. Trong gia đình, các thành viên luôn yêu thương, tôn trọng nhau lẫn nhau và chung sống hòa thuận, các mối quan hệ được thực hiện dựa trên các chuẩn mực văn hóa, pháp lý và đạo đức.

Câu 3. Phân tích cơ sở xây dựng gia đình. Những phong tục lỗi thời, lạc hậu có ảnh hưởng như thế nào đến việc hôn nhân tiến bộ ở VN hiện nay. (Tảo hôn, bắt vợ, hôn nhân cận huyết)

Trình bày KN gia đình

Phân tích cơ sở xây dựng gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

*** Cơ sở xây dựng gia đình**

- Cơ sở kinh tế - xã hội

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi

của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ của xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

- Cơ sở chính trị - xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đề nâng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Cơ sở văn hóa

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Chế độ hôn nhân tiến bộ

+ Hôn nhân tự nguyện

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chồng và đặc biệt là con cái. Vì vậy, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

+ Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không

phải về phía người chồng. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v... Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái... nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm, chia sẻ.

+ *Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý*

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

***Những phong tục lỗi thời, lạc hậu có ảnh hưởng như thế nào đến việc hôn nhân tiến bộ ở VN hiện nay.
(Tảo hôn, bắt vợ, hôn nhân cận huyết)**

Tảo hôn và hôn nhân cận huyết khiến chất lượng dân số suy giảm, suy thoái nòi giống, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ xã hội và sự phát triển bền vững của vùng dân tộc thiểu số.

Tảo hôn không chỉ gây hại sức khỏe cho sức khỏe, sự trưởng thành của trẻ em mà còn tước đoạt nhiều quyền con người của các em, ảnh hưởng đến sự tồn vong và phát triển của nhóm cộng đồng và dân tộc.

Đối với bản thân và gia đình:

- Làm mất đi cơ hội về học tập, việc làm tốt, cơ hội để cải thiện điều kiện sống và chăm sóc sức khỏe của bà mẹ và trẻ em
- Kết hôn cận huyết thống làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi và chất lượng nguồn nhân lực.
- Bản thân những bà mẹ trẻ bị ảnh hưởng đến sức khỏe do cơ thể chưa phát triển đến độ hoàn thiện, ảnh hưởng trực tiếp đến thể chất, tâm sinh lý, sức khỏe sinh sản của người phụ nữ

Đối với xã hội:

- Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi,
- Những cặp kết hôn cận huyết thống dù khỏe mạnh nhưng khi kết hôn cận huyết làm tăng tỷ lệ bệnh tật do kết hợp gen mang lại, gây suy thoái chất lượng giống nòi, họ có thể sinh ra những đứa con bị dị dạng hoặc bệnh tật di truyền như: Bệnh mù màu, bệnh bạch tạng, da vảy cá, bệnh tan máu bẩm sinh...

Câu 4. Phân tích sự biến đổi về chức năng và quan hệ của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vai trò của giáo dục gia đình trong xã hội VN hiện nay.

Trình bày KN gia đình

Phân tích sự biến đổi về chức năng và quan hệ của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

*** Biến đổi các chức năng của gia đình**

- *Chức năng tái sản xuất ra con người*

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều

chính bởi chính sách xã hội của Nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát dân số thông qua Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Để đảm bảo lợi ích của gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội, thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

- Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

- Chức năng giáo dục (xã hội hóa).

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Nhưng sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây.

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi,

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, làm cho một số hộ gia đình có cơ may mở rộng sản xuất, tích lũy tài sản, đất đai, tư liệu sản xuất thì trở nên giàu có, trong khi đại bộ phận các gia đình trở thành lao động làm thuê do không có cơ hội phát triển sản xuất, mất đất đai và các tư liệu sản xuất khác, không có khả năng tích lũy tài sản, mở rộng sản xuất.

*** Sự biến đổi quan hệ gia đình**

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời, xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục... Từ đó, dẫn tới hệ

lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú...

Trong gia đình truyền thống, người chồng là trụ cột của gia đình, mọi quyền lực trong gia đình đều thuộc về người đàn ông. Người chồng là người chủ sở hữu tài sản của gia đình, người quyết định các công việc quan trọng của gia đình, kể cả quyền dạy vợ, đánh con.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

***Vai trò của giáo dục gia đình trong xã hội VN hiện nay.**

Gia đình là một thể chế xã hội đặc biệt trong cơ cấu của xã hội. Gia đình là nơi duy trì nòi giống, tái tạo ra các thế hệ và ngày càng hoàn thiện về thể chất, trí tuệ, tinh thần. Gia đình là môi trường giáo dục quan trọng đầu tiên, là nơi mỗi cá nhân được sinh ra được nuôi dưỡng, được giáo dục và từng bước hình thành hoàn thiện nhân cách, đạo đức. Gia đình là một kết cấu bền chặt với sự gắn kết giữa các thành viên để thế hệ trước trao truyền cho thế hệ sau những giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, tạo nên giá trị xã hội và nhân cách văn hóa của mỗi con người. Nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Vì thế gia đình, các mối quan hệ gia đình và sự giáo dục gia đình luôn được xem là thiết chế quan trọng, là cốt lõi của hầu hết các hoạt động kinh tế xã hội và ngược lại những thay đổi lớn của xã hội cùng ảnh hưởng và chi phối trực tiếp tới giá trị gia đình. Giáo dục gia đình có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi đây là môi trường văn hóa đầu tiên của mỗi cá nhân. Đặc thù điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, gắn liền với những điều kiện của tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Câu 5. Phân tích sự biến đổi về quy mô của gia đình VN hiện nay (Nhớ nêu thuận lợi và khó khăn trong việc biến đổi quy mô gia đình). Đề xuất các biện pháp để khắc phục sự biến đổi của gia đình Việt Nam do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường hiện nay gây ra?

Trình bày KN gia đình

Phân tích sự biến đổi về quy mô của gia đình VN hiện nay (Nhớ nêu thuận lợi và khó khăn trong việc biến đổi quy mô gia đình)

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang

làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian dành cho gia đình cũng vì vậy mà ngày càng ít đi, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

*** Các biện pháp để khắc phục sự biến đổi của gia đình Việt Nam do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường hiện nay gây ra**

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sỹ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội.

Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiên bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao.
